

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm: 2021

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
	TÀI SẢN			
I	Tiền	01	3.407.355.747	3.592.265.598
II	Chi ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách Nhà nước	02		
III	Các khoản phải thu	03		
IV	Hàng tồn kho	04		
V	Tài sản cố định	10	2.701.758.109	2.200.388.850
1	Tài sản cố định hữu hình	11	2.416.200.925	1.906.000.000
	- Nguyên giá	12	3.643.100.000	4.594.000.000
	- Hao mòn lũy kế	13	(1.226.899.075)	2.688.000.000
2	Tài sản cố định vô hình	15	285.557.184	294.388.850
	- Nguyên giá	16	294.388.850	309.883.000
	- Hao mòn lũy kế	17	(8.831.666)	15.494.150
VI	Xây dựng cơ bản dở dang	20		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (30= 01+02+03+04+10+20)	30	6.109.113.856	5.792.654.448
	NGUỒN VỐN			
I	Nợ phải trả	40		
II	Thu ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách nhà nước	41		
III	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	45	1.490.658.351	2.670.986.553
IV	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã	46	426.039.045	921.279.045
V	Nguồn khác	47	2.701.758.109	2.200.388.850
1	Nguồn kinh phí đầu tư XDCB	48		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	49	2.701.758.109	2.200.388.850
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (50=40+41+45+46+47)	50	4.618.455.505	5.792.654.448

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÃ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	60	10.122.912.648	17.457.346.306
2	Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	61	8.632.254.297	14.786.359.753
3	Thặng dư (62= 60 – 61)	62	1.490.658.351	2.670.986.553

III. LƯU CHUYỂN TIỀN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	Các khoản thu	70	8.327.163.095	16.015.874.538
	- Thu ngân sách xã	71	7.451.926.095	16.015.874.538
	- Tiền thu khác	72	875.237.000	726.904.000
2	Các khoản chi	73	10.002.731.297	14.786.359.753
	- Tiền chi ngân sách xã	74	8.632.254.297	14.786.359.753
	- Tiền chi khác	75	1.370.477.000	645.349.000
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động xã	76	(1.675.568.202)	1.311.069.785
4	Số dư tiền đầu kỳ	77	3.592.265.598	2.281.195.813
5	Số dư tiền cuối kỳ	78	1.916.697.396	3.592.265.598

IV. THUYẾT MINH

1. Thông tin bổ sung cho phần 1 – Tình hình tài chính

1.1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi Kho bạc	1.916.697.396	2.670.986.553
- Tiền gửi Ngân hàng		
- Tiền gửi khác		
Tổng cộng tiền	1.916.697.396	2.670.986.553

1.2. Các khoản phải thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng		
- Phải thu khác		
Tổng cộng các khoản phải thu		

1.3. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
Tổng hàng tồn kho		

1.4. Tài sản cố định

Chi tiết	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá	3.643.100.000	294.388.850
Số dư đầu năm	4.594.000.000	294.388.850
Tăng trong năm	-	
Giảm trong năm	950.900.000	
Giá trị hao mòn lũy kế	275.999.075	15.494.150
Giá trị còn lại cuối năm	3.367.100.925	278.894.700

Huyện: Chư Prông
UBND Xã: Ia Lâu

1.5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua sắm TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
b. XDCB dở dang (chi tiết theo từng công trình)		
c. Nâng cấp TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
Tổng giá trị xây dựng dở dang		

1.6. Nợ phải trả

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản nộp theo lương		
- Các khoản nộp nhà nước		
- Phải trả cán bộ, công chức		
- Các khoản thu hộ, chi hộ		
- Nợ phải trả khác		
Tổng cộng các khoản phải trả		

1.7. Các quỹ ngoài ngân sách của xã

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ	921.279.045	839.724.045
- Phát sinh tăng trong năm	875.237.000	726.904.000
- Phát sinh giảm trong năm	1.370.477.000	645.349.000
- Số dư cuối kỳ	426.039.045	921.279.045

2. Thông tin bổ sung cho phần 2 - Kết quả hoạt động

Chi tiết	Mã số	Số tiền
- Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	80	10.122.912.648
+ Thu ngân sách xã	81	10.122.912.648
+ Thu bổ sung từ chênh lệch Thu lớn hơn chi sự nghiệp	82	
- Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	83	8.632.254.297
- Thặng dư (Số kết dư ngân sách xã năm nay)	84	1.490.658.351

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Minh Phượng

IaLâu, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch UBND xã
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thành Công

Mẫu số C03/CCTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BTC
ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IALÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/BC-UBND

Ia Lâu, ngày 25 Tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc cung cấp thông tin tài chính năm 2021

Phần I: Số liệu

1. Tài sản cố định hữu hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã số	Nhà, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
1	Nguyên giá					
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		4.594.000.000	0		4.594.000.000
-	Tăng trong năm		0	0	0	0
-	Giảm trong năm		950.900.000	0	0	950.900.000
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		3.643.100.000	0	0	3.643.100.000
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế					
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)					0
-	Tăng trong năm(*)			0		0



-	Giảm trong năm(**)		275.999.075	0	0	275.999.075
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		275.999.075	0	0	275.999.075
3	Giá trị còn lại					
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		4.594.000.000	0	0	4.594.000.000
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		3.367.100.925	0	0	3.367.100.925

2. Tài sản cố định vô hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Chương trình phần mềm	Giá trị thương hiệu	Khác	Tổng cộng
1	Nguyên giá							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		0	0	294.388.850	0	0	294.388.850
-	Tăng trong năm(*)		0	0	0	0	0	0
-	Giảm trong năm(**)		0	0	0	0	0	0
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		0	0	294.388.850	0	0	294.388.850
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		0	0	0	0	0	0
-	Tăng trong năm(*)		0	0	0	0	0	0
-	Giảm trong năm(**)		0	0	8.831.666	0	0	8.831.666
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		0	0	8.831.666	0	0	8.831.666
3	Giá trị còn lại							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		0	0	294.388.850	0	0	294.388.850
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		0	0	285.557.184	0	0	285.557.184

Phần II: Phân tích, đánh giá

- + Về phần tài sản hữu hình: trong năm không tăng thêm
- + Về khấu hao, hao mòn tài sản trong năm tăng hơn so với các năm trước do quá trình cập nhật tài sản chưa kịp thời
- + Về phần tài sản Vô hình: trong năm không tăng thêm

Nơi nhận:

- KBNN huyện chưông
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Lê Thành Công

